TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày 16-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thượng;

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 429/2019/TLST-DS, ngày 17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ 5, khu phố 1, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 4, khu phố 4, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09-12-2019).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1973 và chị Trần Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 2, ấp TB, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (anh N có mặt, chị L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn cùng người đại diện hợp pháp trình bày:

Vào ngày 22-8-2017 vợ chồng chị Trần Thị L, anh Nguyễn Thành N vay của bà Đỗ Thị A số tiền 600.000.000 đồng (nhận tiền 02 lần trong cùng ngày), chị L có viết giấy nhận nợ với bà A, nhưng không có anh N ký tên vì anh N không biết chữ; tiền lãi thỏa thuận bằng lời nói là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức 06%/tháng), không thỏa thuận thời hạn trả nợ, mục đích vay tiền dùng để mua cây cao su thanh lý. Từ khi vay anh N, chị L có trả tiền lãi đến 01-9-2017 thì không trả nữa.

Tiếp theo, ngày 01-9-2017 vợ chồng chị Trần Thị L, anh Nguyễn Thành N tiếp tục vay cùa bà A số tiền 500.000.000 đồng (nhận 02 lần trong ngày), chị L có viết giấy nhận nợ với bà A, nhưng không có anh N ký tên vì anh N không biết chữ; tiền lãi thỏa thuận bằng lời nói là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức 06%/tháng), không thỏa thuận thời hạn trả nợ, mục đích vay tiền dùng để mua cây cao su thanh lý.

Khi bà A có yêu cầu anh N, chị L trả lại số tiền và thông báo cho anh N, chị L nhưng anh, chị cố tình né tránh và không trả cho bà A bất kỳ số tiền nào cả. Do đó, nay bà A khởi kiện yêu cầu chị L, anh N có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 1.100.000.000 đồng và tiền lãi suất theo mức lãi suất 0,83%/tháng, kể từ ngày 01-9-2017 cho đến ngày khởi kiện là 26 tháng, thành tiền 237.380.000 đồng; yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi bà A đã nhận của anh N, chị L đối với số tiền gốc 600.000.000 đồng theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày 01-9-2017, phần lãi vượt quá quy định thì trừ vào tiền lãi bà A yêu cầu là 237.380.000 đồng.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 180091, số vào sổ cấp GCN: CS03059 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06-6-2019, anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị L đứng tên đăng ký, hiện bà A đang giữ, bà A đồng ý trả lại cho anh N, chị L.

Bị đơn anh Nguyễn Thành N có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Anh với chị L là vợ chồng, anh thừa nhận vợ chồng có vay tiền của bà Đỗ Thị A nhiều lần, cụ thể như lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bà A, khi vay tiền có lập giấy nhận nợ, do chị L viết và ký tên, anh không có ký tên, do không biết chữ. Mục đích vay tiền để mua cây cao su thanh lý, không có thời gian trả nợ, tiền lãi thỏa thuận bằng lời nói là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức 06%/tháng). Từ khi vay vợ chồng anh có trả tiền lãi cho bà A, nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu và cũng không nhớ trả đến khi nào ngưng, khi trả tiền lãi cũng không lập giấy tờ gì.

Khoảng tháng 01 năm 2020 anh đã giao cho bà A giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do vợ chồng anh đứng tên đăng ký, sử dụng, mục đích để làm tin cho việc vay tiền và hẹn khi nào bán được đất sẽ trả tiền cho bà A nhưng đến nay chưa bán được đất.

Nay bà A khởi kiện, anh đồng ý cùng với chị L có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền gốc 1.100.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi, do anh và chị L đã trả tiền

lãi cho bà A rất nhiều và không yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả cho bà A. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao cho bà A, anh đồng ý để bà A giữ không yêu cầu gì.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán , Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục , thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì thấy rằng: Anh N thừa nhận đến nay vợ chồng anh còn nợ bà A tổng cộng số tiền vay gốc 1.100.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ gốc này cho bà A, không đồng ý trả tiền lãi; người đại diện hợp pháp của bà A vẫn yêu cầu anh N, chị L trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày 01-9-2017 đến ngày khởi kiện; tại phiên tòa các bên có tranh chấp về tiền lãi nhưng anh N không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà A. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A đối với anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị L có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị A số tiền vay 1.100.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà A.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thành N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Đỗ Thị A yêu cầu anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị L có nghĩa vụ trả số tiền nợ 1.100.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi bà A đã nhận của anh N, chị L đối với số tiền gốc 600.000.000 đồng, theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày 01-9-2017, phần lãi vượt quá quy định thì trừ vào tiền lãi bà A yêu cầu là 237.380.000 đồng. Trong quá

trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà A cùng người đại diện hợp pháp cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là "01 Giấy nhận nợ ghi ngày 22-8-2017 và 01 Giấy nhận nợ ghi ngày 01-9-2017"; tại phiên tòa anh N thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là đúng, do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[2.1] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Thành N thừa nhận hiện nay anh và chị L còn nợ bà A, tổng số tiền vay 1.100.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà A nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính tiền lãi suất của bà A, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà A cùng anh N thừa nhận khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 06%/tháng, nhưng nay bà A chỉ yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 01-9-2017 đến ngày khởi kiện là 26 tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận. Vì theo anh N trình bày đã trả tền lãi cho bà A rất nhiều nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu và đến khi nào ngưng trả tiền lãi; bà A chỉ thừa nhận anh N, chị L có trả tiền lãi của số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng từ ngày 22-8-2017 đến ngày 01-9-2017, ngoài ra không nhận số tiền lãi nào nữa cả; anh N cũng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho việc có trả tiền lãi cho bà A nên không có căn cứ xem xét lời trình bày của anh N. Bà A cũng thừa nhận việc nhận tiền lãi từ anh N, chị L là vượt quá quy định của pháp luật, yêu cầu tính lại tiền lãi này theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Do đó, tiền lãi của số tiền 600.000.000 đồng được tính lại như sau:

- Tiền lãi bà A nhận từ anh N, chị L tính theo mức lãi suất 06%/tháng là 09 ngày X 600.000.000 đồng X 06% = 10.800.000 đồng; tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 09 ngày X 600.000.000 đồng X 0,83% = 1.494.000 đồng. Như vậy, bà A nhận tiền lãi từ anh N, chị L vượt quá quy định là 10.800.000 đồng – 1.494.000 đồng = 9.306.000 đồng.

- Tiền lãi suất theo yêu cầu của bà A: 1.100.000.000 đồng X 0,83% X 26 tháng = 237.380.000 đồng, trừ đi số tiền lãi bà A nhận từ anh N, chị L vượt quá quy định là 9.306.000 đồng. Do đó, tiền lãi suất bà A được chấp nhận là 228.074.000 đồng.

[2.3] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 180091, số vào sổ cấp GCN: CS03059 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06-6-2019, anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị L đứng tên đăng ký, hiện bà A đang giữ. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà A đồng ý trả lại cho anh N, chị L; anh N không yêu cầu trả lại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A đối với anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị L có trách nhiệm trả cho bà Đỗ

Thị A số tiền vay gốc 1.100.000.000 (một tỷ, một trăm triệu) đồng và tiền lãi 228.074.000 (hai trăm, hai mươi tám triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng. Tổng cộng 1.328.074.000 (một tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà A được Tòa án chấp nhận nên anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A đối với anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị L có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị A số tiền vay gốc 1.100.000.000 (một tỷ, một trăm triệu) đồng và tiền lãi 228.074.000 (hai trăm, hai mươi tám triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng. Tổng cộng 1.328.074.000 (một tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16-6-2020) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thành N phải chịu 51.842.000 (năm mươi một triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

Bà Đỗ Thị A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà An số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.060.000 (hai mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi nghìn) đồng tại biên lai thu số 0000187 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị A, anh Nguyễn Thành N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC.THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Trần Thanh Quốc